

SÁNG TẠO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG ĐẤU TRANH BẢO VỆ ĐỘC LẬP DÂN TỘC SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

NGUYỄN TÙNG LÂM^(*)

Ngày nhận bài: 26/5/2025 Ngày thẩm định: 29/5/2025 Ngày duyệt đăng: 20/8/2025

Tóm tắt: Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách nghiêm trọng, tình thế nguy nan, việc giữ vững nền độc lập dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”. Với bản lĩnh, trí tuệ và sự lãnh đạo sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng, cách mạng đã từng bước vượt qua thử thách, chính quyền được củng cố, nền độc lập được bảo vệ. Bài học quý báu ấy vẫn còn nguyên giá trị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Từ khóa: Cách mạng Tháng Tám năm 1945; Chủ tịch Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi là dấu mốc vàng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, kết thúc hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do. Tuy nhiên, ngay sau thắng lợi, chính quyền cách mạng non trẻ đã phải đối mặt với tình thế cực kỳ hiểm nghèo. Với bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã lãnh đạo nhân dân vượt qua muôn vàn khó khăn, giữ vững chính quyền cách mạng, bảo vệ nền độc lập dân tộc và thành quả vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

1. Giải quyết tình thế hiểm nghèo “ngàn cân treo sợi tóc” của công cuộc giữ vững độc lập dân tộc

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đưa dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do. Tuy nhiên, công cuộc giữ vững độc lập dân tộc đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Chính sách khai thác, bóc lột của thực dân Pháp, phát xít Nhật, thiên tai, lũ lụt làm cho hơn 02 triệu người chết đói ở miền Bắc, ngân khố quốc gia cạn kiệt, tài chính kiệt quệ, trình độ dân trí thấp, tệ nạn xã hội, mê tín lạc hậu vẫn tồn tại dai dẳng. Chính quyền cách mạng non trẻ mới được thành lập, chưa có kinh nghiệm điều hành quản lý đất nước.

Các thế lực đế quốc, phản động quốc tế với âm mưu và hành động bao vây, thôn tính nhằm thủ tiêu chính quyền cách mạng và nền độc lập dân tộc. Ở miền Bắc, dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật, gần 20 vạn quân Tưởng

^(*) TS, Trường Sĩ quan chính trị, Bộ Quốc phòng

(Trung Hoa Quốc dân Đảng) và các phần tử phản động người Việt lưu vong kéo vào, thực hiện âm mưu “diệt cộng, cầm Hồ”, tìm cách tiêu diệt Đảng ta, phá hoại Việt Minh, lập chính quyền tay sai. Trong khi đó, ở miền Nam, quân Anh với danh nghĩa đồng minh kéo vào, tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại. Ngày 23/9/1945, quân Pháp chính thức nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Tại thời điểm đó có hơn 30 vạn quân ngoại bang hiện diện trên lãnh thổ nước ta, gồm quân Tưởng, quân Anh, quân Pháp và tàn quân Nhật, tất cả đều nhằm mục tiêu xóa bỏ nền độc lập non trẻ mà nhân dân Việt Nam vừa giành được.

Đất nước phải cùng lúc đối mặt với “giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm”, chính quyền cách mạng còn non trẻ, Đảng chưa có nhiều kinh nghiệm lãnh đạo, đội ngũ cán bộ chưa thuần thực về kỹ năng quản lý hành chính. Trong hoàn cảnh đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người được toàn Đảng, toàn dân tin tưởng trao trọng trách lãnh đạo tối cao, đã trở thành điểm tựa tinh thần, biểu tượng đoàn kết dân tộc, chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua sóng gió. Bằng bản lĩnh chính trị, trí tuệ, nghệ thuật xử lý linh hoạt mâu thuẫn và tình huống hiểm nghèo, Người cùng Đảng ta từng bước hóa giải những thách thức nghiêm trọng, từng bước ổn định tình hình, bảo vệ chính quyền cách mạng và giữ vững nền độc lập dân tộc. Đó là đóng góp vĩ đại, một tiền lệ chưa từng có trong lịch sử dân tộc và trong lịch sử đấu tranh của giai cấp vô sản trên thế giới.

2. Tổ chức xây dựng bộ máy chính quyền nhà nước hợp hiến, hợp pháp theo thông lệ quốc tế

Ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, xác định sáu nhiệm vụ cấp bách: giải quyết nạn đói; xóa nạn mù chữ; tổ chức Tổng tuyển cử và soạn thảo Hiến pháp; giáo dục nhân dân thực hiện cần, kiệm, liêm, chính; bãi bỏ các thứ thuế vô nhân đạo và cấm hút thuốc

phiện; thực hiện tự do tín ngưỡng và đoàn kết lương - giáo. Sáu nhiệm vụ đó không chỉ xuất phát từ yêu cầu cấp bách của tình hình, mà còn thể hiện rõ bản chất dân chủ, nhân văn của chế độ mới. Trong hoàn cảnh đất nước còn ngổn ngang khó khăn, quyết tâm tổ chức nhà nước hợp hiến, hợp pháp thể hiện tầm nhìn chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ lâm thời nhằm khẳng định chủ quyền quốc gia trên trường quốc tế.

Trong bối cảnh chính quyền cách mạng chưa được quốc gia nào công nhận, các lực lượng đế quốc, phản động đang tìm cách lật đổ, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tổ chức cuộc Tổng tuyển cử theo chế độ phổ thông đầu phiếu để nhân dân trực tiếp bầu Quốc hội, từ đó xác lập tính hợp pháp, hợp hiến cho chính quyền cách mạng. Các sắc lệnh lần lượt được ký: Sắc lệnh số 14/SL ngày 08/9/1945 về Tổng tuyển cử; Sắc lệnh số 34/SL ngày 20/9/1945 về việc thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp; Sắc lệnh số 39/SL ngày 26/9/1945 về việc thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ Tổng tuyển cử. Tất cả cho thấy bước đi quyết đoán, chuẩn xác của Người nhằm nhanh chóng hợp pháp hóa chính quyền và khẳng định chủ quyền quốc gia. Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt đó, nền móng nhà nước dân chủ pháp quyền đã sớm hình thành ngay sau khi đất nước giành được độc lập.

Ngày 06/01/1946, mặc dù bị thực dân Pháp và thế lực phản động tìm cách phá hoại, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên đã diễn ra thành công trên cả nước, 333 đại biểu được bầu vào Quốc hội khóa I. Ngày 02/3/1946, kỳ họp đầu tiên của Quốc hội I được tổ chức. Tại kỳ họp này, Hồ Chí Minh khẳng định: “với thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử, nhân dân Việt Nam đã tỏ rõ cho thế giới biết rằng toàn dân Việt Nam đã đoàn kết nhất trí vì nền độc lập của Tổ quốc”⁽¹⁾. Đến kỳ họp thứ hai (từ ngày 28/10 đến ngày 09/11/1946), bản Hiến pháp đầu tiên do Người làm Chủ tịch Ủy ban dự thảo được thông qua. Việc khân trương tổ chức Quốc hội và Chính phủ chính thức, thông qua Hiến pháp là minh chứng thuyết phục về nền độc

lập hợp hiến, hợp pháp của một quốc gia - dân tộc theo chuẩn quốc tế. Đó là thành quả từ bản lĩnh và quyết tâm lớn lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc xây dựng một nhà nước “của dân, do dân và vì dân”, đúng như Người từng khẳng định: “Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì...”⁽²⁾.

3. Tin tưởng vào nhân dân, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân để thực hiện những nhiệm vụ cấp bách của chính quyền mới nhằm bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc

Ngay sau khi giành độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh và chính quyền cách mạng đặt niềm tin tuyệt đối vào nhân dân, coi đây là nguồn sức mạnh căn bản để bảo vệ và xây dựng chính quyền cách mạng. Với nhận thức sâu sắc rằng: muốn bảo vệ nền độc lập dân tộc, cần có chính quyền hợp hiến, lực lượng vũ trang mạnh và đặc biệt là quần chúng nhân dân giác ngộ cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân. Người chỉ đạo củng cố, phát triển tổ chức Mặt trận Việt Minh, đồng thời vận động thành lập thêm các tổ chức mới để thu hút nhân dân tham gia kháng chiến và kiến quốc. Trên tinh thần đó, hàng loạt tổ chức, như Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt), Đảng Xã hội Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam..., được thành lập và gia nhập Mặt trận Liên Việt, trở thành liên minh chính trị rộng lớn, quy tụ mọi tầng lớp nhân dân không phân biệt giới tính, tôn giáo, tín ngưỡng hay xu hướng chính trị, miễn là “tán thành đấu tranh cho nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường”.

Với tinh thần bao dung, nhân ái và cởi mở hiếm thấy trong lịch sử cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, kể cả những người từng phục vụ chế độ cũ. Người không ngần ngại mời các quan chức trong chính quyền phong kiến, nhân sĩ, trí thức có tâm huyết, kinh nghiệm, uy tín tham gia chính quyền mới, như Vĩnh

Thụy (cựu hoàng Bảo Đại) làm cố vấn tối cao, cụ Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố, Bùi Bằng Đoàn, Phạm Khắc Hòe,... đều được tin tưởng giao trọng trách trong Chính phủ. Trong tinh thần đoàn kết lương - giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời các Giám mục Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn vào Đoàn cố vấn tối cao. Viết thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam ngày 19/4/1946, Người khẳng định: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt... Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta”⁽³⁾. Những hành động ấy không chỉ mang tính chiến lược về chính trị, mà còn thể hiện chiều sâu tư tưởng nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ tư tưởng “đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân”⁽⁴⁾, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động các phong trào cách mạng thiết thực nhằm đưa đất nước vượt qua hiểm họa. Để chống “giặc đói”, Người khởi xướng phong trào tăng gia sản xuất và kêu gọi đồng bào chia sẻ: “Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: *Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo*”⁽⁵⁾. Bên cạnh đó, Người đề nghị lập Quỹ độc lập, phát động Tuần lễ vàng - chỉ trong thời gian ngắn đã quyên góp được 370 kg vàng, hàng chục triệu đồng cho kháng chiến và quốc phòng. Với quan điểm: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”⁽⁶⁾, Người ra sắc lệnh thành lập Hội đồng cố vấn học chính, Nha Bình dân học vụ, phát động chiến dịch “chống giặc dốt” trên cả nước. Dù chưa thể giải quyết tận gốc mọi khó khăn, nhưng chính những biện pháp ấy đã tạo dựng niềm tin vững chắc trong lòng dân, củng cố hậu phương, chuẩn bị lực lượng cho công cuộc bảo vệ nền độc lập dân tộc.

4. Khéo léo nhân nhượng với lực lượng Quốc dân Đảng Trung Hoa ở miền Bắc, tập trung lực lượng chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng non trẻ phải đối mặt với nhiều thế lực thù địch từ bên ngoài và nguy cơ nổi loạn từ bên trong. Trong bối cảnh đó, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ: kẻ thù chính, nguy hiểm và trực tiếp nhất là thực dân Pháp đang tìm mọi cách quay trở lại xâm lược nước ta. Tuy nhiên, một lực lượng khác cũng gây sức ép không nhỏ đối với chính quyền cách mạng là quân đội Tưởng Giới Thạch và các tổ chức tay sai, như Việt Quốc, Việt Cách, vốn mang danh nghĩa quân đồng minh đến giải giáp quân Nhật ở miền Bắc. Trước tình thế vô cùng hiểm nghèo, nếu phải cùng lúc đối đầu với cả quân Tưởng và quân Pháp, ta sẽ rơi vào thế bị động, bất lợi. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đề ra chủ trương sách lược đúng đắn: khéo léo nhân nhượng với quân Tưởng để tập trung lực lượng chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ.

Với nguyên tắc “giữ vững độc lập, chủ quyền là trên hết”, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng nhân dân, đồng thời khai thác và lợi dụng mâu thuẫn nội bộ trong hàng ngũ Quốc dân Đảng Trung Hoa và tay sai Việt Quốc, Việt Cách để chia rẽ, cô lập chúng. Về đối sách, Đảng ta chủ trương khôn khéo nhân nhượng một số yêu sách cục bộ của quân Tưởng, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, nhằm tránh xung đột vũ trang trực tiếp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp thể hiện thiện chí “thân thiện” thông qua nhiều hình thức: chủ động thăm hỏi xã giao, “xin chỉ thị” các tướng tá quân Tưởng, viết bài ca ngợi cách mạng Tân Hợi với tiêu đề “Hoa - Việt thân thiện”⁽⁷⁾, kêu gọi tình đoàn kết Hoa - Việt, đồng thời khuyên Hoa kiều “chớ làm điều gì phi pháp”⁽⁸⁾. Chủ tịch Hồ Chí Minh còn mời Hà Ứng Khâm - đại diện cao cấp của Tưởng

Giới Thạch đến ở tại Phủ Toàn quyền cũ, tổ chức mít tinh lớn mang tính biểu dương lực lượng quần chúng với các khẩu hiệu khéo léo thể hiện sự ủng hộ chính phủ cách mạng dưới danh nghĩa hoan nghênh “phái bộ Đồng minh”. Điều này được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rõ khi nói chuyện với đại biểu các báo chí về nội trị, ngoại giao nước nhà: “Hôm trước đây, tôi đã gặp Hà Tổng trưởng. Ông cũng tuyên bố như những yêu nhân Trung Hoa đã tuyên bố, không có dã tâm về đất đai Việt Nam và hy vọng để các nước Á Đông độc lập... Lấy tình riêng mà nói, Hà Tổng trưởng, mặc dầu từ trước tới nay đối với tôi chưa từng quen biết, nhưng về phương diện cá nhân, ông rất tử tế. Điều đó không lạ, là vì, một người Trung Quốc, ai cũng mong chúng ta được độc lập. Hai nước Trung Hoa và Việt Nam có liên lạc với nhau về kinh tế và chính trị, thì hai dân tộc không thể không có sự tương trợ, tương thân”⁽⁹⁾. Những hành động khôn khéo này không chỉ làm giảm căng thẳng trong quan hệ với quân Tưởng, mà còn góp phần khẳng định vị thế chính trị của chính quyền cách mạng với quốc tế và trong nước.

Trên cơ sở đó, Đảng và Chính phủ đã tiến hành cải tổ bộ máy chính quyền với một số nhượng bộ đáng kể. Một số đại biểu Việt Minh chủ động rút lui khỏi chính phủ, nhường ghế cho đại diện Việt Quốc, Việt Cách; chấp nhận 70 đại biểu Việt Quốc, Việt Cách tham gia Quốc hội không qua bầu cử. Đây là sách lược tạm thời để tạo hình thức “chính phủ liên hiệp nhiều đảng phái”, làm yên lòng quân Tưởng và tay sai, đồng thời tránh cho chính quyền cách mạng phải đối đầu trực diện với các thế lực phản động trong thời điểm chưa đủ lực lượng và thế trận vững chắc.

Không chỉ nhượng bộ về chính trị, chính quyền cách mạng còn buộc phải nhân nhượng về kinh tế: chấp nhận cho quân Tưởng sử dụng đồng “quan kim” gây lạm phát, bất ổn tài chính; cung cấp lương thực, thực phẩm

cho quân đội Tưởng khi đất nước còn đang phải đối mặt với nạn đói chưa được khắc phục. Về quân sự, Đảng ta chủ trương kiềm chế, không để xảy ra xung đột vũ trang, tránh rơi vào cái bẫy khiêu khích đảo chính từ phía quân Tưởng và tay sai.

Một bước đi mang tính quyết đoán, táo bạo nhưng đầy bản lĩnh chính trị của Đảng ta là việc ra thông cáo ngày 11/11/1945, tuyên bố “tự giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương”. Thực chất đây không phải là sự từ bỏ sứ mệnh lãnh đạo của Đảng, mà là sách lược tạm thời nhằm đánh tan những hiểu lầm, xuyên tạc về “chính quyền cộng sản” trong và ngoài nước, qua đó, tranh thủ thêm sự ủng hộ, đặc biệt là của các tầng lớp trung gian và đồng minh. Các đảng viên tiếp tục hoạt động cách mạng trong hình thức công khai là Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương. Nhiều nhà nghiên cứu chính trị đã gọi đây là một “thủ pháp chính trị độc đáo của Hồ Chí Minh” thể hiện tầm nhìn chiến lược và tinh thần vì đại cục.

Việc khéo léo nhân nhượng với quân Tưởng là một sách lược đúng đắn, sáng suốt, thể hiện sự mềm dẻo, linh hoạt trong tư duy chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta. Điều này đã tạo điều kiện cho ta tập trung lực lượng, dồn sức chống thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ, giữ vững chính quyền cách mạng, từng bước củng cố nền độc lập dân tộc vừa giành được.

5. Thương thuyết, nhân nhượng với thực dân Pháp, nhất tề đứng lên cầm súng bảo vệ nền độc lập dân tộc

Ngay sau khi nước Việt Nam tuyên bố độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện lập trường nhất quán: sẵn sàng thương thuyết với người Pháp về vấn đề xung đột ở Sài Gòn và Nam Bộ, nhưng điều kiện tiên quyết là Pháp phải thừa nhận nền độc lập và thống nhất của Việt Nam. Trong khi kêu gọi cả nước sẵn sàng cho Ngày Toàn quốc kháng chiến (ngày 05/11/1945), Người cũng lãnh đạo Chính phủ tổ chức các đoàn quân Nam tiến, thể hiện rõ

tinh thần: “Độc lập trên hết”. Dự đoán âm mưu thỏa hiệp giữa Pháp và Quốc dân Đảng Trung Hoa, Người chủ trương sách lược “hòa để tiến”, tạm nhân nhượng với Pháp nhằm loại bỏ sự hiện diện của quân Tưởng và tay sai. Ngày 06/3/1946, Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp được Người ký với Jean Sainteny - đại diện phía Pháp và Vũ Hồng Khanh - đại diện Việt Nam Quốc dân Đảng⁽¹⁰⁾, thể hiện quyết sách chiến lược của Đảng và Chính phủ nhằm bảo vệ lực lượng cách mạng, kéo dài thời gian chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.

Khi tham gia đàm phán tại Pháp (ngày 30/5/1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện bản lĩnh ngoại giao tuyệt vời: mềm dẻo nhưng kiên định, hòa hoãn nhưng không nhân nhượng vô nguyên tắc. Người khẳng định rõ: “Hồ Chí Minh không phải là người bán nước”⁽¹¹⁾, “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”⁽¹²⁾. Tuyên bố lập trường đàm phán sáu điểm, Người thể hiện tinh thần hợp tác trong Liên hiệp Pháp nhưng không chấp nhận chia rẽ dân tộc, không chấp nhận bất kỳ hình thức thuộc địa trá hình nào. Với lý tưởng cao cả, Người nói với bạn bè quốc tế bằng cả lương tri nhân loại: “Điều gì mình không muốn thì đừng làm với người khác”, kêu gọi Pháp tôn trọng độc lập của Việt Nam như cách họ đã đấu tranh cho độc lập của chính mình. Tuy nhiên, bất chấp thiện chí từ phía Việt Nam, thực dân Pháp vẫn tiếp tục gây hấn bằng những hành động như chiếm lại Phủ Toàn quyền, tổ chức duyệt binh ngày Quốc khánh Pháp tại Hà Nội, thành lập các “chính phủ” Nam Kỳ tự trị nhằm chia cắt đất nước.

Trước tình hình ngày càng căng thẳng, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục nỗ lực cuối cùng nhằm tránh chiến tranh bằng việc thương lượng với Thủ tướng Pháp Georges Bidault, dẫn đến Tạm ước ngày 14/9/1946 - một cam kết tạm thời đình chỉ xung đột, thả người bị bắt và tiếp tục đàm phán. Tuy vậy, Người cũng nhận thức rõ: “Tôi qua Pháp, đáp

lại thịnh tình của Chính phủ Pháp đã mời tôi, mục đích cốt để giải quyết vấn đề Việt Nam độc lập, cùng Trung, Nam, Bắc thống nhất. Vì hoàn cảnh hiện thời ở nước Pháp, mà hai vấn đề chưa giải quyết được, còn phải chờ. Nhưng không trước thì sau, tôi dám quyết rằng: Việt Nam nhất định độc lập, Trung, Nam, Bắc nhất định thống nhất⁽¹³⁾. Trong tình thế ấy, lời cam kết của Người trước đồng bào thật thiêng liêng và xúc động: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ nhất định trở lại cùng thân ái chung trong lòng Tổ quốc⁽¹⁴⁾. Đó là lời hứa của một người đứng đầu đất nước, nhưng cũng là tiếng nói từ trái tim của một người con luôn đau đáu vì vận mệnh dân tộc.

Khi mọi nỗ lực hòa bình bị đẩy đến giới hạn, thực dân Pháp ngày càng trắng trợn xâm lược, lựa chọn cuối cùng không còn gì khác ngoài kháng chiến. *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến* được phát đi như một lời tuyên chiến với mọi thế lực xâm lược: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa. Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...”⁽¹⁵⁾. Chính tinh thần bất khuất đó đã tạo nên một phong trào kháng chiến bền bỉ, trường kỳ suốt 09 năm, dẫn đến thắng lợi vĩ đại Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954. Đó là thành quả từ bản lĩnh chính trị, từ nghệ thuật thương thuyết khôn khéo và sự hy sinh to lớn của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh - người đã đặt nền móng vững chắc cho giai đoạn cách mạng

tiếp theo: kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tiến tới độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.

Tóm lại, những sách lược mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta thực hiện sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là minh chứng sinh động cho nghệ thuật giữ nước và bản lĩnh chính trị kiệt xuất của Người. Những chủ trương ấy không chỉ góp phần bảo vệ thành quả cách mạng, mà còn đặt nền móng cho sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc về sau. Ngày nay, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước đang có nhiều biến động phức tạp; các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ”; tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, đặc biệt là trên biển diễn biến ngày càng khó lường, đe dọa trực tiếp đến độc lập, chủ quyền quốc gia;... thì những bài học giữ nước quý báu từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vẫn còn nguyên giá trị. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục kiên định, trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời, quán triệt sâu sắc và thực hành hiệu quả bài học giữ vững độc lập dân tộc gắn liền với bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa □

(1), (2), (3), (5), (6), (7), (8), (9), (11), (12), (13), (14) và (15) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.217, 64, 249 - 250, 33, 7, 110, 111, 46, 250, 280, 280, 468, 470 và 534

(4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sdd, t.5, tr.81

(10) Việc Hồ Chí Minh vận động Vũ Hồng Khanh cùng ký Hiệp định Sơ bộ là nhằm ngăn trở sự chống phá của các lực lượng tay sai Quốc dân Đảng Trung Hoa